

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 419/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 04 tháng 3 năm 2026

V/v mời báo giá “Mua sắm Vật tư thay thế Valve
lò hơi của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm Vật tư thay thế Valve lò hơi của NMĐ Sông Hậu 1. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm và cung cấp báo giá cho hàng hóa, dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: danh mục hàng hóa như Phụ lục *đính kèm*.
2. Tiến độ thực hiện: Nhà thầu chào tiến độ sớm nhất có thể để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 11/03/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

*Email: dongpv@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.*

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (P.V.Đ).

Đính kèm:

- Phụ lục: Danh mục vật tư thay thế valve Lò hơi NMĐ Sông Hậu 1

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC

DANH MỤC VẬT TƯ THAY THỂ VALVE LÒ HƠI CỦA NMD SÔNG HẬU 1

(Đính kèm công văn số: 419 /NMDSH1-TM ngày 04 tháng 5 năm 2026)

Stt	Stt theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị
	I	SSV Warming Drain Control Valve	Size: 2" Class: 2500 Serial Number: 23633					
1	1.1	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE	Trillium	Korea	No: 8	1	Cái
2	1.2	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE	Trillium	Korea	No: 9	1	Cái
3	1.3	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE	Trillium	Korea	No: 10	1	Cái
4	1.4	Packing	GRAFOIL	Trillium	Korea	No: 11	1	Bộ

Stt	Stt theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị
	II	Soot blowing Steam Pressure CV Globe valve	Size: 2,5" Class: 2500 SPL Series No: 23665					Cái
5	2.1	Plug & Stem	A479-316 ST.ST. + GR.6 FULLY STE.	Trillium	Korea	No: 5	3	Cái
6	2.2	Seat Ring	A479-316 ST.ST. + GR.6 FULLY STE.	Trillium	Korea	No: 7	3	Cái
7	2.3	Disc completed 01 Set include: - Disc; Material: SUS 420J2, No: 8 (01 SET) - Disc Upper Plate; Material: SUS 420J2, No: 9 (01 PC) - Disc Lower Plate; Material: SUS 420J2, No: 10 (01	SUS 420J2	Trillium	Korea	N/A	3	Bộ

Stt	Stt theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị
		PC) - Guide Bolt; Material: 316 ST.ST., No: 21 (04 PC)						
8	2.4	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE	Trillium	Korea	No: 11	3	Cái
9	2.5	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE	Trillium	Korea	No: 12	3	Cái
10	2.6	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE	Trillium	Korea	No: 13	3	Cái
11	2.7	Packing	GRAFOIL	Trillium	Korea	No: 14	3	Bộ
	III	Soot blowing Steam Line Shut off MOV	- Size: 2.5 inch - Class: 2500 SP - KKS: P1/2HCB10AA001					
12	3.1	Disc	- Material: A217-WC6 + STL	PK valve	Châu Âu/G7/OECD	No: 3	2	Cái

Stt	Stt theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị
13	3.2	Body Seat	- Material: A217-WC6 + STL	PK valve	Châu Âu/G7/OECD	No: 5	2	Cái
14	3.3	Packing	- Material: Graphite + Graphite With Inconel Wire	PK valve	Châu Âu/G7/OECD	No: 8	2	Cái

Các yêu cầu khác:

- Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế/spare part cho các van thuộc hệ thống Lò hơi là thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), **VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.**

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chính hãng.

- Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.;

- Chứng từ kèm theo hàng hóa: Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA/COC) cung cấp bởi nhà sản xuất/cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu có tính chất tương tự.

*** Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.**